

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HOÁ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/DS - ST

Ngày 20 tháng 9 năm 2019

V/v: *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự,
vay tài sản”*.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Ông Lê Quang Tùng và bà Hà Thị Hòa

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân: Không thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa

Ngày 20 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 15/2019/TLST-DS ngày 28/5/2019 về việc: *“Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản”*.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2019/QĐST – DS ngày 28/8/2019 giữa;

Nguyên đơn: Ông: Trịnh Hùng C, sinh năm: 1960

Bà: Lê Thị H, sinh năm: 1967

Đều trú tại: Khu 3, TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện theo ủy quyền của ông Trịnh Hùng C, sinh năm: 1960

Bà: Lê Thị H, sinh năm: 1967

Địa chỉ: Khu 3, TX, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*có mặt*).

Bị đơn: Ông: Lê Công B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Trường Tiểu học L2, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 03/5/2019, được bổ sung trong các bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Thị H trình bày:

Do có quan hệ quen biết nên ngày 20/11/2015 vợ chồng bà Lê Thị H, ông Trịnh Hùng C có cho ông Lê Công B vay số tiền: 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*). Ông Lê Công B viết giấy vay tiền, không tính thời hạn trả nợ, ông B chỉ cam kết trả gốc hàng tháng cho bà số tiền là 2.000.000đ (*hai triệu đồng*) cho đến khi hết số nợ trên. Về lãi suất hai bên thỏa thuận bằng miệng khi nào ông B trả hết 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*) thì bà H sẽ tính lãi của số tiền vay theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm trả nợ. Tính từ ngày vay tiền đến nay đã gần 4 năm mà ông B không trả cho bà H đồng nào và mà có hành vi trốn tránh trách nhiệm không trả nợ, ông B chỉ khát hết lần này sang lần khác. Ông B cố tình không trả, thậm chí ông B còn không có thiện chí trả nợ cho bà. Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc ông B phải trả số tiền 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*). Tại Biên bản hòa giải ngày 28/6/2019 ông B trình bày, do điều kiện kinh tế gia đình ông B khó khăn nên bà H đã yêu cầu ông B trả số tiền 40.000.000 đồng vào ngày 30/6/2019, số tiền còn lại 56.000.000 đồng ông B trả cho bà làm 4 lần mỗi lần 14.000.000 đồng, thời gian từ 01/7/2019 đến 30/10/2019, lãi suất không yêu cầu.

Tại các bản tự khai, Biên bản hòa giải bị đơn ông Lê Công B trình bày: Ngày 20/11/2015 ông có vay của ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H số tiền: 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*). Ông B có viết giấy vay tiền, trong giấy vay tiền ông B có hứa cứ mỗi tháng trả 2.000.000đ đồng cho đến khi hết số tiền trên, nhưng nay do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, bản thân ông ốm đau phải đi điều trị tại bệnh viện nên ông không có tiền trả cho ông C, bà H theo như bà yêu cầu được, ông B có xin bà H trả số tiền 20.000.000 đồng vào ngày 30/6/2019, còn lại 76.000.000 đồng ông xin trả dần hàng tháng cho bà H số tiền là 2.000.000đ đồng cho đến khi hết số nợ trên, nhưng ông C, bà H không đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lê Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc Tranh chấp về hợp đồng dân sự, vay tài sản với ông Lê Công B. Căn cứ Điều 26; Điều 35 và Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự. Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, bị đơn đều chấp hành pháp luật. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho bị đơn ông Lê Công B để tham gia phiên tòa,

nhưng bị đơn ông B có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Do có quan hệ quen biết, ngày 20/11/2015 ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H có cho ông Lê Công B vay số tiền 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*). Ông B có viết giấy và ký vào giấy vay tiền, hai bên có cam kết hàng tháng ông B trả số tiền 2.000.000đồng cho đến khi hết số nợ. Tính từ thời điểm vay đến nay đã được gần 4 năm ông Lê Công B không trả được số tiền vay cũng như cam kết việc trả nợ cho ông C, bà H. Nay ông C, bà H yêu cầu ông B phải trả cho ông, bà số tiền 96.000.000 đồng, lãi suất không yêu cầu.

Thấy rằng: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Căn cứ vào Điều 91 Bộ Luật Tố tụng Dân sự 2015 khẳng định chứng cứ mà nguyên đơn ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H cung cấp là hợp lệ. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H là hoàn toàn có căn cứ nên được chấp nhận. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông C, bà H là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật Dân sự, vì vậy Hội đồng xét xử buộc ông B phải trả cho ông C, bà H số tiền 96.000.000 đồng.

Về lãi suất: Ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Ông Lê Công B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ Luật Dân sự;

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26; Khoản 1 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H.

Buộc ông Lê Công B phải trả nợ cho ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H số tiền là 96.000.000đ (*chín mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong khoản tiền 96.000.000đồng, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí:

Ông Lê Công B phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 4.800.000đ (*bốn triệu tám trăm nghìn đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Hoàn trả lại cho ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H số tiền 2.400.000đ (*hai triệu bốn trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0004898 ngày 27/5/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn ông Trịnh Hùng C, bà Lê Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/9/2019). Bị đơn ông Lê Công Bắc được quyền kháng cáo trong thời hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải Thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6; Điều 7; Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;
- Phòng KTNV- THA-TAND tỉnh Thanh Hoá;
- Chi cục THADS H. Thường Xuân;
- Đường sự;
- Lưu HSVA.

**T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Thị Tâm

